

**UBND XÃ BÌNH TUYÊN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 375/CV-QLDA
V/v niêm yết công khai trên
cổng thông tin của UBND xã
Bình Tuyên

Bình Tuyên, ngày 27 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: Văn phòng HĐND – UBND xã Bình Tuyên

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Thực hiện theo quy định Khoản b Điểm 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH15 quy định “Thời hạn niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã là 10 ngày. Thời hạn tổ chức đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là không quá 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Để đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Ban quản lý dự án xã đề nghị Văn phòng HĐND – UBND xã đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án sau:

Tên dự án: Khu TĐC cho các hộ dân thôn Đê Hên phục vụ GPMB Khu công nghiệp Sơn Lôi, tại xã Bình Tuyên, tỉnh Phú Thọ.

(Chi tiết các biểu phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án kèm theo)

Ban quản lý dự án xã đề nghị Văn phòng HĐND – UBND xã quan tâm phối hợp thực hiện để dự án triển khai đúng tiến độ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND xã (B/c);
- Lưu: VP- GPMB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Đức Lợi

BIỂU 01: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB ĐẤT NÔNG NGHIỆP QUỸ I, QUỸ II, ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÔNG CÓ GIẤY TỜ VỀ QSD
 DỰ ÁN: KHU TĐC CHO CÁC HỘ DÂN THÔN ĐỀ HÈN PHỤC VỤ GPMB KHU CÔNG NGHIỆP SON LÔI
 ĐỊA ĐIỂM: THÔN VĂN GIÁO- XÃ BÌNH TUYỀN - TỈNH PHÚ THỌ

S TT	Tên chủ sử dụng đất	Thông tin hồ sơ địa chính						Thông tin theo mảnh trích đo địa chính thu hồi và giao đất			Diện tích thu hồi (m2)							DT không có thực tế - DT chênh lệch nhỏ hơn so với giấy tờ về QSD đất	Bồi thường hoa màu 12.333đ /m2	Hỗ trợ CDN 475.000 đ/m2	Hỗ trợ ổn định đời sống theo nhân khẩu:30*16, 000*3=1.440 .000đ/khẩu	ĐVT: đồng		
		Số tờ	Số thửa	DT (m2)	Xứ đồng	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Số tờ	Số thửa	DT (m2)	Tổng DT	Trong chỉ giới	Ngoài chỉ giới	Trong đó										
														Quỹ I	Thờ a	Thiế u	Đất không có giấy tờ về QSD đất							
I	Đương Hồng Thọ	02607600 3556	32	514	La gò LUC	Đất giao thầu	98	298,9	298,9	298,9	298,9							8.518.650				8.518.650,0		
							99	101,8	101,8	101,8										2.901.300				2.901.300,0
							103	51,6	51,6	51,6										1.470.600				1.470.600,0
							72	380,9	380,9	380,9										10.855.650				10.855.650,0
							73	355,5	355,5	355,5										10.131.750				10.131.750,0
							75	190,1	190,1	190,1										5.417.850				5.417.850,0
							76	234,5	234,5	234,5										6.683.250				6.683.250,0
							78	231,6	231,6	231,6										6.600.600				6.600.600,0
							101	429,1	429,1	429,1										12.229.350				12.229.350,0
							102	97,1	97,1	97,1										2.767.350				2.767.350,0
TỔNG CỘNG			0,0					2.371	2.371	2.371	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	67.576.350	0,0	0	0	67.576.350				

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Chữ ký)

Nguyễn Trọng Tuấn

(Chữ ký)

Nguyễn Ngọc Tâm

NGƯỜI RÀ SOÁT

(Chữ ký)

Phí Thị Thanh Huyền



BIỂU 02: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB ĐẤT NÔNG NGHIỆP QUỸ 1, ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÔNG CÓ GIẤY TỜ VỀ QSD ĐẤT
CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
DỰ ÁN: KHU TĐC CHO CÁC HỘ DÂN THÔN ĐỀ HÈN PHỤC VỤ GPMB KHU CÔNG NGHIỆP SON LÔI
ĐỊA ĐIỂM: THÔN VĂN GIAO- XÃ BÌNH TUYẾN - TỈNH PHÚ THỌ

S TT		Tên chủ sử dụng đất	Thông tin hồ sơ địa chính						Thông tin theo mảnh trích đo địa chính thu hồi và giao đất			Diện tích thu hồi (m2)							Bồi thường, hỗ trợ về đất: (LUC, HNK) 95.000đ/m2;	Bồi thường hoa màu 12.333đ/m2	Hỗ trợ CNĐN 475.000đ/m2	Hỗ trợ ổn định đời sống theo nhân khẩu:30*16,0 00*4=2.440,0 00đ/khẩu	ĐVT: đồng
			Số thửa	Số thửa	DT (m2)	Xứ đồng	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Số thửa	DT (m2)	Tổng DT	Trong chỉ giới	Ngoài chỉ giới	Trong đó									
														Quỹ 1	Thừa	Thiếu	Đất không có giấy tờ về QSD đất						
1		Dương Văn San(Miền-Luyện)	02608 00092 31	497	La Gô	HNK	Đất không giấy tờ	594	224,9	91,0	91,0	91,0				91,0	8.645.000	1.122.303					9.767.303
2		Dương Hồng Thọ	0260 7600 3556	497	La Gô	HNK	Đất không giấy tờ	580	513,3	513,3	513,3	513,3				513,3	48.763.500	6.330.529					55.094.028,9
3		Vũ Văn Chung(Tân)	0260 6001 2114	324 97	La Gô	HNK	Đất không giấy tờ	587	521,9	521,9	521,9	521,9				521,9	49.580.500	6.436.593			12.200.000		68.217.092,7
TỔNG CỘNG									1.260,1	1.126,2	1.126,2	1.126,2	0,0	0,0	0,0	0,0	5,0	106.989.000	13.899.425	0	12.200.000		133.078.425

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI RÀ SOÁT

Nguyễn Trọng Tiến
Nguyễn Ngọc Tiến



Phạm Đức Lợi

DỰ ÁN: KHU TỘC CHO CÁC HỘ DÂN THÔN ĐỀ HẸN PHỤC VỤ GPMB KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG LÔI
ĐỊA ĐIỂM: THÔN VĂN GIÁO - XÃ BÌNH TUYỀN- TỈNH PHÚ THỌ

ĐVT: đồng

[illegible]

	Mái che bắn vào tường kết cấu thép mái lợp tôn liên doanh: (8,3*4,5)+(4,5*2,5)	m2	48,6		254.470	12.367.242	112,37	112,54		80%	9.878.848	
	Tường bao lợp xây gạch chỉ không trát: (22*0,11*0,8)	m2	1,9		1.674.720	3.242.258	112,37	112,54		80%	2.589.888	
	Móng xây gạch chỉ sâu 0,4: (22*0,22*0,4)	m2	1,9		1.404.091	2.718.320	112,37	112,54		80%	2.171.371	
	Bậc tam cấp xây bằng gạch chỉ không trát: (1,3*0,33*0,22)*3	m3	0,3		1.512.425	428.228	112,37	112,54		80%	342.065	
3	Chường trại											
	Chường lợp trụ gạch tường xây gạch mái lợp proximi măng: 4,6*2,5	m2	11,5		1.950.819	22.434.419	112,37	112,54		80%	17.920.424	
*	Đổi trừ:											
-	Mái lợp Fibroximăng, kết cấu xà gồ bằng thép hộp: 4,6*2,5	m2	-11,5		171.174	-1.968.501	112,37	112,54		80%	-1.572.422	
+	Mái tôn sườn thép 4,6*2,5	m2	11,5		269.730	3.101.895	112,37	112,54		80%	2.477.767	
4	Bể nước											
	Tường xây gạch không trát ((2,3*2)+4)*0,11*0,3	m3	0,28		1.674.720	475.286	112,37	112,54		80%	379.654	
	Đáy đổ bê tông không cốt: 4,0*2,3*0,05	m3	0,46		1.653.894	760.791	112,37	112,54		80%	607.714	
	Sân Bê tông không cốt: 10,6*1,0*0,1	m3	1,06		1.653.894	1.753.128	112,37	112,54		80%	1.400.384	
	Tường xây gạch chỉ không trát: 15,8*0,11*1,3	m3	2,26		1.674.720	3.783.862	112,37	112,54		80%	3.022.517	
	Móng tường xây không trát: 15,8*0,22*0,5	m3	1,74		1.404.091	2.440.310	112,37	112,54		80%	1.949.299	
	Trụ liên tường xây gạch chỉ không trát 0,22*0,11*1,3	m3	0,03		1.674.720	52.687	112,37	112,54		80%	42.086	

	(Bể nước) tường xây gạch chỉ không trát: (2,8+2,1)*2*0,11*1,4	m3	1,51		1.674.720	2.527.487	112,37	112,54		80%	2.018.936	
	Đáy bể đổ bê tông không cốt: 2,8*2,1*0,1	m3	0,59		1.653.894	972.490	112,37	112,54		80%	776.817	
5	Giếng khoan dân dụng D 110	m	36		664.003	23.904.108	112,37	112,54		80%	19.094.399	
	Giếng khoan dân dụng D76	m	36		589.770	21.231.720	112,37	112,54		80%	16.959.718	
	Tường xây gạch chỉ không trát: 2,0*0,11*0,6	m3	0,13		1.674.720	221.063	112,37	112,54		80%	176.583	
7	Rãnh thoát nước xây gạch chỉ không trát: (4,8*0,11*0,5)*2	m3	0,53		1.674.720	884.252	112,37	112,54		80%	706.333	
	Đáy rãnh láng vữa xi măng: 4,8*0,2	m2	0,96		44.407	42.631	112,37	112,54		80%	34.053	
8	Nền bê tông không cốt: (11*8,5*0,07)	m3	6,55		1.653.894	10.824.736	112,37	112,54		80%	8.646.708	
	Nền bê tông không cốt (6,8*4,4*0,07)	m3	2,09		1.653.894	3.463.916	112,37	112,54		80%	2.766.946	
	Bó bờ xây gạch chỉ không trát (11*2+8,5*2)*0,11*0,2	m3	0,86		1.674.720	1.436.910	112,37	112,54		80%	1.147.791	
	Bó bờ xây gạch chỉ không trát (6,8*2)*0,11*0,2	m3	0,30		1.674.720	501.076	112,37	112,54		80%	400.255	
	Ống nhựa PVC 110	m	30		134.771	4.043.130	112,37	112,54		80%	3.229.618	
	Lưới nhựa đen HDPE 30m*1,2	m	30		7.000	210.000	112,37	112,54		80%	167.746	
	Cột BTCT: (0,2*0,2*1,5)*12	m3	0,86		2.431.463	2.100.784	112,37	112,54		80%	1.678.089	
	Cột BTCT: (0,11*0,11*1,8)*23		0,50		2.431.463	1.218.017	112,37	112,54		80%	972.942	
	Lưới nhựa đen HDPE 110m*1,8	m	110		7.000	770.000	112,37	112,54		80%	615.069	
	Cột BTCT (0,11*0,11*1,5)*15	m3	0,27		2.431.463	661.966	112,37	112,54		80%	528.773	

	Dây điện 2*6	m	50	46.822	2.341.100	112,37	112,54	80%	1.870.051	
II	Cây Cối								71.803.000	
	Cây ổi 5cm < ĐK thân ≤ 10cm	cây	15	261.000						
	Cây ổi ĐK thân ≥ 10cm	cây	50	524.000				100%	3.915.000	
	Cây xoan 40cm < ĐK thân ≤ 50cm	cây	27	180.000				100%	26.200.000	
	Cây xoan ĐK thân > 50cm	cây	9	237.000				100%	4.860.000	
	Cây xoan 15cm < ĐK thân ≤ 30cm	cây	25	75.000				100%	2.133.000	
	Cây xoan 30cm < ĐK thân ≤ 40cm	cây	18	130.000				100%	1.875.000	
	Cây buri 5cm < ĐK thân ≤ 10cm	cây	10	1.518.000				100%	2.340.000	
	Cây sung ĐK thân ≥ 20cm	cây	1	1.149.000				100%	15.180.000	
	Cây bạch đàn ĐK thân ≥ 50cm	cây	30	237.000				100%	1.149.000	
	Cây bạch đàn 15cm < ĐK thân ≤ 30cm	cây	35	75.000				100%	7.110.000	
	Cây tre đã đến tuổi khai thác	cây	60	3.600				100%	2.625.000	
	Cây tre chưa đến tuổi khai thác	cây	80	12.000				100%	216.000	
	Cây bạch đàn 40cm < ĐK thân ≤ 50 cm	cây	18	180.000				100%	960.000	
	Tổng								327.340.168	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Trọng Tuấn

Nguyễn Ngọc Tâm

NGƯỜI RÀ SOÁT

Phạm Đức Lợi

Phạm Đức Lợi

KIỂM TRA
PHÒNG GIÁM ĐỐC
QUẢN LÝ DỰ ÁN
XÃ
BÌNH TUYÊN

